**Huỳnh Trung Chánh**

Hoằng Nguyện Thênh Thang

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Hoằng Nguyện Thênh Thang](" \l "bm2)

**Huỳnh Trung Chánh**

Hoằng Nguyện Thênh Thang

*(Với tất cả lòng ngưỡng mộ, chân thành kính dâng hòa thượng Trí Thiền, vị thiền sư đã dâng hiến trọn đời mình cho dân tộc và đạo pháp)*  
Ngoài công việc ruộng nương rẫy bái, làng xã quanh thị trấn Rạch Giá, mỗi vùng đều sở trường một ngành nghề đặc biệt. Sóc Soài sản xuất nồi, An Hòa đánh cá làm khô, Tà Niên dệt chiếu, loại chiếu hoa vừa đẹp, vừa bền, nổi tiếng khắp cả miền Tây. Người địa phương đã ca ngợi tài nghệ của gái Tà Niên, trai An Hòa bằng lời ca dao tả chân mộc mạc và rất gợi hình như sau:

Gái Tà Niên, mồm viền chỉ đỏ  
Trai An Hòa lớn nhỏ xỏ xâu. (1)

Chú sáu Trinh lẩm nhẩm lời ca dao, thấm ý nhìn người vợ Tà Niên duyên dáng của mình mỉm cười. Hình ảnh người vợ đảm đang ngồi dệt chiếu, dưới ánh trăng dễ thương làm sao, chú khao khát muốn khoác tay nàng âu yếm, nhưng thím bận bịu bù đầu, đâu còn lòng dạ nào "chiều chồng" được. Chú thơ thẩn nhìn trăng, lòng bỗng nôn nao nhớ đến mùa trăng rộn ràng của hai mươi năm về trước. Ngày ấy, tại Sân Chim, cách chốn nầy chẳng xa, đoàn nghĩa quân của cố lãnh binh Nguyễn Trung Trực, đã đồng thề nguyền xả thân diệt giặc Pháp xâm lăng cứu nước. Thế nhưng, tiệc lớn chẳng thành, nghĩa quân tan nát, chủ tướng Nguyễn Trung Trực (2) bị Tây xử trảm, còn chú thì phải đơn thân trốn lánh tại chốn nầy hơn sáu năm rồi. Chú xúc động cất tiếng ngâm nga:

Chim quyên xuống núi ăn trùng  
Anh hùng lỡ vận lên nguồn đốn than"

Người anh hùng lỡ vận thời nay, không có cơ hội làm than như người xưa, thôi thì đành vào bưng, nhổ lát mang về cho vợ dệt chiếu, làm phương kế sinh nhai. Sống êm đềm bên vợ hiền con ngoan, mà người trai lỡ vận thỉnh thoảng vẫn ngậm ngùi nhớ lại lời nguyền đuổi giặc ngoại xâm thuở trước. Đôi mắt chú bỗng rực sáng niềm tin khi chú nhìn sang đứa con trai đang ngủ yên trên chõng. Chú tin mãnh liệt là thế hệ mai sau, thế hệ của thằng bé Đồng, sẽ anh dũng trương cờ khởi nghĩa đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi nước nhà. Nghĩ đến tương lai của con, lòng chú bỗng chùn lại ! Đời thằng bé không thể bị chôn chặt ở chốn nầy ! Nó phải được học hành. Nó phải được đào luyện chí khí để sẵn sàng dấn thân cho tổ quốc như cha của nó.   
Chú suy nghĩ miên mang khá lâu, rồi mới ngập ngừng lên tiếng:   
- Má thằng Đồng à ! Tui muốn bàn với má nó chuyện nầy !   
Thím ngưng tay, trìu mến nhìn chồng chờ đợi:   
- Có việc chi không Ông ?   
- Tui có lỗi đã dấu diếm má nó chuyện nầy. Tui sinh trưởng tại cù lao Gieng (3), thuộc gia đình theo đạo Gia Tô đã mấy đời. Khi vua Tự Đức ban dụ cấm đạo, cha tui cùng vài vị trong ban nhà thờ, đã bị bắt đưa về Gia Định trừng trị. Hai năm sau người được thả về, thì cửa nhà tan nát, nên gia đình tui phải lưu lạc sang vùng Cái Dầu, Cao Lãnh sinh sống qua ngày. Khi bọn Pháp xua quân tấn chiếm ba tỉnh miền Đông, bọn chúng đã cho người đi móc nối những con chiên tản lạc về cộng tác với chúng. Chủ trương giúp Pháp chiếm nước cai trị để được tự do tín ngưỡng, vừa để trả thù cho thời bị khủng bố, vừa lại được "sớm sâm banh, tối sữa bò" hấp dẫn lạ lùng, hầu hết những gia đình họ đạo cù lao Gieng đã hân hoan cộng tác với giặc, mà nổi tiếng nhất phải kể đến tên Tổng đốc Lộc, hắn tự cho mình có quyền tàn ác với đồng bào, trung thành với mẫu quốc, vì cha hắn đã bị tù đày bởi dụ cấm đạo. Cha tui là một trong những người đầu tiên được mời cộng tác, nhưng người đã cương quyết chối từ. Quan niệm của người là tuy nhà vua sai lầm trong việc cấm đạo và ngược đãi giáo dân, nhưng việc đòi hỏi tự do tín ngưỡng phải sử dụng bằng phương cách nào khác, chớ không thể bằng hành vi phản quốc "cõng rắn cắn gà nhà", mang đất nước dâng cho ngoại bang cai trị để được hành đạo. Thấm nhuần tình yêu nước sắt son của phụ thân, khi Pháp xua quân ồ ạt tràn xuống ba tỉnh miền Tây, tuổi mới mười sáu, tui đã xung phong vào hàng ngũ dân quân chiến đấu bảo vệ thành Long Hồ. Thành mất, dân quân tan nát, tui lâi được tin cụ Nguyễn Trung Trực, đang ẩn náo tại vùng Sân Chim, huyện An Biền, bờ biển Rạch Giá, chiêu mộ nghĩa quân chống Pháp, nên vội vàng tìm đến. Nghĩa quân được phân chia đội ngũ và huấn luyện cấp tốc cho một trận tử chiến với kẻ thù. Tui sớm được tín nhiệm và được chủ tướng chọn làm cận vệ, để cùng chủ tướng giả dạng thường dân vào thành Rạch Giá nghiên cứu thành lính Sơn Đá của địch. Cuộc điều nghiên hoàn tất, đầu tháng sáu, nghĩa quân được điều động về Tà Niên, ẩn trú tại trại ruộng của phó tướng Lâm Quang Ky dưỡng sức một tuần. Đến đêm 10.06.1868, tức mùng 3 tháng 5 năm Mậu Thìn, chủ tướng hạ lệnh chia quân thành nhiều toán nhỏ, dùng thuyền theo rạch Tà Niên di chuyển trong đêm đen, lặng lẽ đổ quân lên bờ rạch Lăng Ông, nằm án binh cho đến 4 giờ sáng. Đoạn, đúng y theo kế hoạch quân ta chia thành ba cánh, len lỏi đến sát thành Sơn Đá, mới reo hò thị uy, rồi ồ ạt xung phong công phá thành địch. Bất ngờ bị tấn công, súng đạn tối tân trong thế cận chiến trở thành vụng về, hàng ngũ địch rối loạn và tan rã nhanh chóng. Chỉ trong một thời gian ngắn, trận địa kết thúc, với bảy mươi ba xác địch quân, gồm 50 tên người Pháp. Nghĩa quân cũng bắt sống 6 tên lính khố đỏ và tịch thu trên 100 cây súng cùng vô số đạn dược. Trong đám tù binh nầy, có tên Lượm là người cùng họ đạo với tui tại Cù Lao Gieng. Hắn khóc lóc nhắc nhở tình quen biết xưa, năn nỉ tui tìm phương cứu giúp. Tui mủi lòng xin chủ tướng cho hắn cơ hội, được đoái công chuộc tội. Điểm tui chẳng hề nghĩ tới, là từ vụ cứu tên Lượm, mà nhiều nghĩa quân biết tui vốn thuộc gia đình đạo Gia Tô giòng, rồi họ bắt đầu xầm xì, hoài nghi lòng trung quân ái quốc của tui. Chủ tướng thương yêu tin tưởng tui như một đứa em nuôi cũng bắt đầu dè dặt. Người chuyển tui sang phục vụ dưới quyền của phó tướng, ở lại giữ thành Rạch Giá, trong khi người đưa đại quân đón giặc tại cảng Lục Dục, Núi Sập. Quân Pháp đưa toàn lực quân sĩ, từ các tỉnh Vĩnh Long, Mỹ Tho ồ ạt phản công tái chiếm Rạch Giá, quân ta bị tan rã nhanh chóng, chủ tướng phải rút quân về Hòn Chông, rồi ra Phú Quốc tiếp tục chiến đấu. Tui kẹt trong toán quân phó tướng Lâm Quang Ky bị thất lạc không theo kịp đoàn quân của chủ tướng, đành phải lui về Sân Chim, rồi ngã ngũ. Chỉ vì tui theo đạo Gia Tô, mà tui bị nghi ngờ, do đó không được kề cận chiến đấu sống chết bên chủ tướng, tui đau lòng vô hạn. Điểm dầy vò tui hơn nữa, là tên Lượm sống sót lại có dịp lập công to với người Pháp. Hắn ruồng bắt nghĩa quân trốn tránh quanh thị trấn, khủng bố những gia đình yêu nước. Ngoài ra, cũng chính hắn xúi giục Pháp bắt giữ mẹ của chủ tướng tại Hà Tiên, bắt dân chúng các vùng yểm trợ nghĩa quân đem ra hành hạ, làm phương kế áp bức cụ Nguyễn ra đầu thú. Thương dân lành và cũng nhận thấy vận nước đã hết phương cứu vãn, cụ Nguyễn giải tán nghĩa quân, rồi ra trình diện để chịu án trảm quyết tại chợ Rạch Giá. Nghĩa quân còn sống sót đành ngậm ngùi nuốt hận làm dân bị trị, họ lầm lũi trở về quê chôn kín lòng yêu nước của mình trong nếp sống tầm thường, an phận. Với tui, cuộc chiến vẫn tiếp tục. Tui về vùng U Minh, hợp sức với hai anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự lập căn cứ chống giặc. Sau bốn năm, căn cứ bị phá hủy, tui bèn tìm đến cậu Hai Lãnh, cánh quân còn lại của đức cố quản Trần Văn Thành, tại Láng Linh để chiến đấu cho đến khi lực lượng tan rã. Cuối cùng, tui lại cùng một số chiến hữu lập một tổ chức đượm màu sắc tôn giáo là "Tứ Ân Hiếu Nghĩa", để âm thầm kết hợp những phần tử yêu nước đưa về vùng Thất Sơn sinh sống, chờ ngày dựng cờ khởi nghĩa. Việc lớn đang hình thành đầy hứa hẹn, bỗng có người biết chuyện xưa, xầm xì rằng tui theo đạo Gia Tô, và có liên hệ mật thiết với tên Lượm phản phúc. Từ đó, ngay những chiến hữu đã từng sống chết bên nhau với tui cũng để dạ nghi ngờ, khiến tui phẩn uất rời bỏ anh em ra đi. Từ lâu, nỗi căm hận tên Lượm vẫn canh cánh trong lòng, nay thì nó càng bùng dậy mãnh liệt, cơ hồ, nếu như tui không hạ sát hắn, thì chính tui cũng không sống nỗi. Lòng đã quyết định, tui tìm về Rạch Giá, xin làm phu vác gạo cho nhà máy xay lúa Vĩnh Hiệp, để điều tra tông tích tên Lượm. Hắn được thăng chức đội, được quan Tây tin tưởng, nên càng ra công khuyển mã phục vụ quan thầy hãm hại những phần tử yêu nước. Theo dõi hắn một thời gian, tui biết hằng đêm hắn luôn đi một mình đến nhà tình nhân tại xóm Bánh Tầm để vui thú. Tui chọn ngày 12 tháng chín âm lịch năm 1880, ngày giỗ thứ 12 của chủ tướng để ra tay. Đến ngày giờ định sẵn tui lẻn vào nhà, uy hiếp con đàn bà, nhét giẻ khóa chặt mồm, trói gô lại. Tui viết bản án tử hình kể rõ tội ác hắn làm, rồi ung dung chờ hắn đến nạp mạng. Điểm trục trặc bất ngờ, hôm đó, chẳng biết có công tác chi không mà hắn lại dẫn theo hai tên đàn em, võ trang súng ống đầy đủ. Nếu tui theo ngõ sau phóng đi thì an toàn, nhưng âm mưu theo dõi đã lỡ cỡ, cơ hội thanh toán hắn sẽ không còn nữa, nên tui liều mạng ở lại. Hai tên cận kệ lẩn quẩn ngoài sân, hắn thản nhiên xô cửa vào nhà. Không thấy tình nhân ra đón, lên tiếng gọi vẫn im lặng, nên hắn nghi ngại lăm le khẩu súng ngắn, rón rén bước vào buồng. Tui nện hắn một cây song hồng xiểng niểng, rồi đâm một nhát dao thấu tim. Hắn chết không kịp nổ súng, nhưng tiếng hét thảm khốc của hắn cũng làm kinh động cả xóm. Tui phóng chạy thoát thân theo ngả sau, bị hai đàn em hắn rượt nà, nổ súng ầm ỉ, khiến bọn lính trong đồn cũng túa ra chận hết các ngả vào ra khu xóm. Tui len lỏi trốn chạy trong các hẻm sau nhà, vô tình thấy ngôi chùa Tam Bảo, nên đánh liều leo qua rào, gặp thầy Vĩnh Thùy xin người cứu giúp… Còn phần sau đó, thì bà đã hiểu rõ rồi, tui bất tất phải thuật lại nữa !   
Chuyện xảy ra trên sáu năm rồi, mà mỗi khi nhớ lại thím Trinh cũng thẹn thùng chín cả người. Thím nguyên là một sa di ni, tuổi đôi mươi, tu học tại ni viện Vạn An, Sa Đéc. Cô sa di sắp thọ giới Thức Xoa Ma Na, nên xin thầy cho về chùa Tam Bảo, Rạch Giá một thời gian, để được người anh ruột, tức sư Vĩnh Thùy giảng dạy thêm về luật nghi. Đêm đó, vừa chợp mắt bỗng có những tiếng súng nổ vang, cùng với tiếng hò hét đuổi bắt hung phạm. Nghe tiếng gõ cửa nhè nhẹ, cô ni sợ điếng quấn mền kín mít im lặng, nhưng sư Vĩnh Thùy lại nhanh nhẹn ra mở cửa, đón người lạ vào. Hai người thầm thì đôi câu, rồi thình lình sư đưa người lạ vào phòng cô ni, lên tiếng: "Diệu Thường ! cứu người là Phật sự tối thượng. Cô hy sinh cứu người nhé !". Cô ni chưa hiểu cứu người bằng cách nào, thì đã nghe tiếng lính la ó trước cổng chùa, sư trụ trì bước ra ngoài, còn kẻ lạ mặt thì vội vàng, chui tuốt vô mền nằm co rút sát với cô ni. Cô ni vừa hổ thẹn vừa sợ hãi, không biết phản ứng ra sao, cả người run rẩy như đang lên cơn sốt rét nặng. Tuy nhiên, khi bọn lính được sư Vĩnh Thùy dẫn đi khám xét khắp nơi, sắp vào phòng sư cô, thì cô bỗng cảm thấy có sức mạnh phi thường hỗ trợ, cô bình tỉnh ôm sát người lạ vào lòng, gọn gàng như ôm một chiếc gối dài. Bọn lính thấy căn phòng trống trải, chỉ có cô ni bệnh hoạn, mặt mày đỏ nhừ, trùm mền kín mít, không có chi đáng ngờ nên bỏ đi lục soát nơi khác. Về sau, khi biết người lạ, là một nghĩa sĩ hết lòng với đất nước, cô ni sung sướng thấy hành động hy sinh cứu người của mình thật không uổng, dù vậy cô vẫn thẹn thùng không dám nhìn, dám nói gì với anh ta. Sư Vĩnh Thùy cho người lạ ẩn náu thêm ba ngày chờ nội vụ lắng dịu, rồi mới giúp người lạ giả dạng thành tu sĩ, gởi đến chùa Sóc Veng xa xôi lánh nạn. Giải quyết xong vụ rắc rối nầy, sư Vĩnh Thùy lại khám phá ra vụ rắc rối thứ hai, cũng nhức đầu không kém. Cô em vốn là một tu sĩ tu hành tinh tấn, bỗng nhiên trở nên trì trệ giãi đãi. Cô chểnh mảng công phu, lơ là học hỏi luật nghi, và cứ thẩn thờ mơ mộng. Sư đành cho cô em xả giới hoàn tục, đứng ra dàn xếp cuộc hôn nhân cho hai người, rồi đưa họ về quê nhà tại Tà Niên sinh sống. Trong sáu năm yêu đương hạnh phúc, lần đầu tiên thím mới nghe chú thố lộ niềm tin tôn giáo, thím hơi ngạc nhiên mà vẫn nhu hòa lên tiếng:   
- Tui thật không ngờ ba nó theo đạo Gia Tô ! Tui chưa biết đạo Gia Tô như thế nào, nhưng chắc cũng dạy ăn hiền ở lành mà ! Ơ ! mà ba nó theo đạo nào, đối với tui cũng như vậy ! tui chỉ biết có đạo thờ chồng mà thôi…   
- Cám ơn má nó không nỡ trách tui ! Ngày xưa, mỗi khi bạn bè đồng chí hướng khám phá ra tôn giáo tui, họ đều nghi ngại và xa lánh tui. Tui bị ám ảnh điều đó, nên mấy lần định khai rõ chuyện khác biệt tôn giáo cho anh Vĩnh Thùy và má nó, mà tui ngần ngừ rồi không dám. Tui sợ mình khai ra, rủi má nó không "ưng" tui nữa thì sao ?   
- Ba nó theo đạo nào thì lòng tận trung ái quốc của ba nó vẫn trong sáng như trăng rằm, những chiến hữu đã từng sống chết bên nhau với ba nó, vì chút thành kiến sai lầm lại nghi ngờ ba nó, quả thật rất đáng trách.   
- Má nó à ! tui phải chịu dày dò đớn đau cả đời vì thành kiến bất công đó, nhưng chính ra, tui không oán trách ai hết. Bà nghĩ coi ! nhìn qua nhìn lại, ai chẳng có nhận xét là phần lớn những kẻ theo Tây phản quốc đều là người Gia Tô giáo. Nguyên nhân xa xôi bắt đầu từ lập trường của những vị cố đạo. Họ chỉ thiết tha với sự nghiệp truyền giáo, họ là người ngoại quốc chỉ yêu nước họ, trung thành với nước họ, chớ đâu có chút tình với nước mình, họ lại phải trải qua thời cấm đạo gian khổ, nên họ chỉ chờ đợi bọn xâm lăng đến là đón rước, và hô hào khuyến khích con chiên ra cộng tác với họ. Khi Tây đã đặt xong nền đô hộ, lập guồng máy cai trị thì họ cũng tích cực tiến cử người ra phục vụ, do đó, vô số bọn vô lại đua nhau xin làm kẻ tân tòng, vào đạo để làm bàn đạp xây dựng vinh hoa phú quí… Kẻ bàng quan, quơ đũa cả nắm, nghi ngờ tất cả người Gia Tô giáo phản quốc cũng là chuyện bình thường.   
- Đành vậy ! nhưng không thể chụp mũ tất cả mọi người được ! Những người theo đạo Gia Tô như cụ Nguyễn Trường Tộ, Huỳnh Tịnh Của…, đều là những nhân vật chân chính yêu nước kia mà…   
- Lòng tui tui hiểu, tui lại được má nó hiểu, thì tui đã an ủi lắm rồi.   
Chú cất tiếng thở dài, nghĩ ngợi mông lung một thoáng, rồi mới ngập ngừng tiếp lời:   
- Hôm nay, bỗng dưng tui đem vấn đề nầy bàn với má nó, vì chợt nghĩ đến tương lai thằng Đồng. Nó phải tiếp tục sự nghiệp cánh mạng của tui, nhưng không phải bằng đường lối chiến đấu đơn độc và vô vọng như tui. Nó phải được học hỏi văn minh xứ người, về nước phục vụ dân tộc, tạo nền tảng cho công cuộc vận động cứu nước sau nầy. Nó phải được đưa ra tỉnh để đi học mới được !   
- Phải rồi ! mình gởi nó vào chùa Tam Bảo với thầy Vĩnh Thùy đi, thím sốt sắng góp ý.   
- YÙ tui hơi khác má nó ! Tui muốn đưa con ra gởi cho vị linh mục chánh tòa Rạch Giá. Đưa con về với nhà thờ, thật ra tui cũng vì chút tình riêng là muốn thằng Đồng tiếp tục giữ giềng đạo của ông nội nó, nhưng phần khác, tui lại nghĩ trong hoàn cảnh hiện nay, chỉ có cha cố mới đủ điều kiện giúp con mình xuất dương ăn học thành tài được !   
- Ba nó muốn thằng Đồng giữ đạo ông nội, tui không dám ngăn cản, nhưng tui sợ quá hà !… Ba nó tới lui nhà thờ, rủi có ai phát giác tung tích ba nó ngày xưa, thì nguy hiểm đến chừng nào !…   
- Má nó yên tâm ! người trong đạo thương yêu nhau như đại gia đình. Tui về với nhà thờ, thì họ yêu thương đùm bọc tui, chớ đâu ai làm chuyện kẻ vạch, hại tui; huống chi, chuyện tui theo ngài Nguyễn Trung Trực đánh chiếm thành Rạch Giá đã xảy ra 20 năm rồi, ai mà quan tâm đến, còn vụ tên Lượm thì chỉ mình tui đơn độc ra tay hoàn toàn bí mật kia mà !   
Thế rồi, mặc dù thím buồn hiu phản đối ngầm, chú vẫn cương quyết đưa con về Rạch Giá, tìm gặp cha sở. Chú xúc động ngắm nhìn ngôi giáo đường uy nghi, tràn ngập tin yêu chiêm ngưỡng tượng chúa Jêsus trên thập tự giá, hân hoan tham dự thánh lễ tôn nghiêm, những hình ảnh quen thuộc mà bao năm trời lăn lóc hoạt động chống Pháp chú đã xa rời, mất mát. Chú cũng cực kỳ cảm động khi có dịp thố lộ tất cả những bí ẩn đời mình cho cha sở trong buổi lể Xưng Tội. Cha sở cũng cảm động không kém. Cha hân hoan đón nhận chú, như người cha già thân thương đón đứa con ra đi biền biệt vừa trở về nhà. Người long trọng hứa sẽ nâng đỡ bé Đồng ăn học để trở thành người hữu dụng mai sau. Để đánh dấu ngày trở lại thánh đường của chú Trinh, Cha sốt sắng tổ chức một ngày đặc biệt để giới thiệu chú với bổn đạo. Trong dịp nầy, cha đã nhắc lại thí dụ của Chúa Jêsus, về thái độ người cha vui mừng, tha thứ hết tội lỗi của đứa con hoang đàng, vừa trở về nhà. Để nhấn mạng rằng Chúa luôn mở rộng vòng tay sẵn sàng đón rước những con chiên sa ngã lầm lạc biết quay về, Cha nhắc lại nguyên văn câu Thánh Kinh: "Chúng ta hãy ăn mừng, vì con ta đây đã chết mà bây giờ lại sống, đã mất mà bây giờ lại thấy được…" (4). Kế đó, cha mở rộng đề tài, hướng vào đời sống thực tế, để phân tách đâu là nẻo chánh tà ? Thế nào là hoang đàng hư hỏng ? Thế rồi, cha lôi Chúa đứng bên phe nhà cầm quyền người Pháp, coi điều đó là một chân lý rõ rệt không cần phải tranh luận gì nữa, để phê phán mọi hành động phản loạn, chống nhà nước Bảo Hộ là hành động chống lại Chúa, là hoang đàng hư hỏng… Chú Trinh xa nhà thờ chẳng qua vì hoàn cảnh, chớ chú chẳng hề quên Chúa, chối bỏ Chúa bao giờ. Bài giảng ám chỉ chú là đứa con hoang, kể ra hơi quá đáng song chú vẫn kiên nhẫn nhận chịu. Thế nhưng lập luận đồng hóa Chúa với người da trắng thống trị, chống Pháp có nghĩa là chống Chúa, phục tùng Chúa đồng nghĩa với phục tùng người Pháp, thì chú cực lực phản đối. Chú không dám phạm thượng cắt ngang bài giảng, nhưng khi cha vừa dứt lời, chú liền dõng dạc lên tiếng:   
- Thưa cha ! hôm nay con trở lại nhà thờ là để về với Chúa, chớ không phải về để cộng tác với những kẻ xâm lăng đất nước của con !   
Đoạn chú dẫn bé Đồng đi ngay, không quay đầu lại một lần. Chú nghĩ thà chịu cho con dốt hơn là để nó bị nhồi vào đầu thứ tư tưởng nô lệ quái đảng đó.   
Chú Trinh thua buồn trở về Tà Niên an phận với nếp sống quê mùa thường nhựt. Ba hôm sau, trong khi chú đang ơ hờ ngủ yên, thình lình toán lính mật thám, do Đội Phèn chỉ huy bao vây nhà, xông vào bắt giữ chú. Chú chỉ kịp nhắn nhủ vợ: "Em lo cho thằng Đồng" thì đã bị bọn chúng lôi đi.   
Thím Trinh theo ngay ra tỉnh, gởi con cho sư Vĩnh Thùy, để rảnh tay đôn đáo lo thăm nuôi chồng. Chỉ hai ngày sau thì có tin chú chết, chú xé áo quần kết thành sợi dây, treo cổ tự tử trong phòng giam. Người ta sử dụng niềm tin tôn giáo để dụ dỗ chú, rồi tra tấn chú, để tìm biết thêm đồng đảng cùng những điều liên quan đến các tổ chức chống Pháp, và chú đã quyết định chọn thái độ vĩnh viễn im lặng. Thím Trinh lẳng lặng lãnh xác chồng đem về miếng vườn sau nhà tại Tà Niên chôn cất. Có lẽ, khi chọn chú, biết rõ cuộc đời cách mạng của chú, thím đã ý thức trước tai họa nầy, nên thím bình tỉnh chịu đựng, không than khóc như những người đàn bà khác. Ngờ đâu, bề ngoài điềm tỉnh chỉ nhằm che dấu nỗi đau thương ngùn ngụt bên trong. Chỉ mấy tháng sau, đang ngồi ủ rũ bên mộ chồng, thím bỗng trúng gió ngã gục, thím chết cho tròn ước nguyện "sống đồng tịch, đồng sàn, chết đồng quan, đồng quách", chữ "Đồng" mà thím đã dùng để đặt tên con.   
\*   
\* \*  
Thiền sư Trí Thiền, tục danh Nguyễn Văn Đồng (5), trầm ngâm đứng trước bàn thờ tổ quốc trang nghiêm, vừa được thiết lập để chuẩn bị cho buổi lễ cầu siêu đặc biệt sẽ chánh thức khai mạc vào bảy giờ chiều. Trên bàn thờ hiển hiện hình ảnh hiên ngang của cố lãnh binh Nguyễn Trung Trực, với hai câu đối:

"Hỏa hồng Nhật Tảo, oanh thiên địa !  
Kiếm bạt Kiên Giang, khắp quỷ thần…"

Bên cạnh lại có bài vị của cụ Nguyễn Văn Trinh và phu nhân, hai người có liên hệ huyết nhục với thiền sư. Năm nào, chùa Tam Bảo cũng âm thầm chờ đến nửa đêm ngày 12 tháng 9 âm lịch mới trang nghiêm hành lễ tưởng niệm người xưa. Lần nầy lễ tưởng niệm ngày giỗ thứ bảy mươi được tổ chức công khai, ngày giờ thông báo cho Phật tử trước cả tuần lễ, và do đó, bọn mật thám đã lồng lộng dọa nạt cản ngăn đồng bào đến tham dự. Bao năm qua, bọn cầm quyền Pháp đã cấm đoán gắt gao, khủng bố trừng trị những ai dám bàn bạc nhắc nhở đến cụ Nguyễn Trung Trực. Có một lần chẳng biết kẻ vô danh nào lén đặt bài vị của người vào bàn thờ miếu Cá Ông. Thế rồi dân chúng rỉ tai nhau, lũ lượt đến lễ lạy. Khi viên chánh tỉnh Renault hay biết, y nổi trận lôi đình hạ lệnh dẹp bài vị, và lần lượt cách chức ban hội tề làng Vĩnh Thanh Vân, về lỗi vô tình dung dưỡng việc thờ phượng nầy. Tóm lại, tổ chức lễ tưởng niệm là một thách thức đối với chế độ thực dân, hậu quả nguy hiểm khó ước lường. Sư Trí Thiền đã tiên liệu mọi việc, sư biết trước buổi lễ sẽ bị cản ngăn, phá hoại, chùa sẽ bị theo dõi khủng bố trả thù. Thế nhưng sư vẫn cương quyết tiến hành, với tất cả niềm tin là buổi lễ sẽ thành công, và tinh thần ái quốc của người xưa sẽ được khơi dậy mãnh liệt trong lòng người dân tỉnh nầy.   
Dù đã là bậc cao tăng, tuổi gần sáu mươi, nhưng vừa nhìn đến bài vị song thân, lòng sư bỗng xúc động mãnh liệt. Sư nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ căn nhà bé nhỏ Tà Niên ngập tràn hạnh phúc cho đến khi bọn người hung ác vây bắt cha. Cha mẹ đột ngột qua đời, bé Đồng được cậu Vĩnh Thùy đem về chùa nuôi dưỡng. Cũng ở tại chánh điện nầy, năm mươi năm trước, thằng bé đã quì ở đó nghe cậu tụnh kinh cầu siêu cha mẹ. Thằng bé sục sùi rơi lệ, và có lần không kềm hãm nỗi, nó đã khóc ngất lên, khiến cậu cũng xúc động, ngưng đọc kinh, ôm chặt cháu vào lòng an ủi. Đó là bài kinh cầu an không lời nhiệm mầu nhất mà bé Đồng đã đón nhận được từ tuổi ấu thơ. Thế rồi, cậu bé được cậu cho thọ giới sa di, ban cho pháp danh Trí Thiền. Sư được cho theo học trường tỉnh, và đồng thời, cũng được sư phụ khổ cộng giảng dạy nội điển thâm sâu. Sau khi thọ tỳ kheo giới, sư lại cần mẫn tham dự các khóa hạ tại các tổ đình miền Nam: Tập Phước, Vĩnh Tràng, Tây Hưng… để trau dồi giới đức. Ngoài ra, sư cũng được tu học một thời gian khá lâu tại chùa Phi Lai, núi Voi, thuộc vùng Thất Sơn, Châu Đốc. Đây là ngôi tổ đình của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, một chi phái thuần túy Việt, đề cao sứ mạng hưng long đạo pháp, song song với trách vụ xả thân bảo vệ non sông. Chùa cũng có liên hệ mật thiết với công cuộc chiến đấu chống Pháp tại rừng Bảy Thưa, Láng Linh, do đức cố quản Trần Văn Thành lãnh đạo. Thời gian sống tại đây với vị tôn túc, vốn là chiến hữu của phụ thân ngày trước, đã ảnh hưởng khá sâu đậm đến hoằng nguyện xả thân cho dân tộc và đạo pháp của sư.   
Sau khi sư phụ Vĩnh Thùy qua đời, sư kế vị trụ trì chùa Tam Bảo năm 32 tuổi, và bắt đầu sự nghiệp phát huy đạo pháp. Sư phát động phong trào học Phật tu thân trong tỉnh. Sư thuyết pháp giản dị mà sâu sắc. Sư biết sử dụng lối kiến giải phù hợp với khoa học, vạch rõ được những tập tục mê tín ngoại đạo lẫn lộn trong chùa, do đó, giới trí thức trong tỉnh đua nhau theo sư học hỏi Phật Pháp. Giới bình dân không phù hợp với giáo lý cao siêu, sư tùy bệnh cho thuốc, cổ xúy họ pháp môn niệm Phật tu tâm. Nhằm thay đổi lối đóng góp cho đạo pháp một cách tiêu cực - phó mặc chuyện chùa chiền cho quý thầy - của giới cư sĩ, nhân dịp trùng tu ngôi chùa cũ hư mục, sư đã vận dụng họ vào ban hưng công tái thiết. Sự đóng góp nhiệt thành của giới cư sĩ như một luồng gió đầy sinh khí phát động công cuộc chấn hưng Phật giáo tỉnh nhà. Sư lại chịu khó đi lưu động thuyết pháp độ sanh khắp nơi, không nệ chốn vắng vẻ ít người. Địa điểm nào cần dựng chùa cho Phật tử có nơi quy ngưỡng sư liền thành lập. Do đó, chỉ trong vòng mười năm, sư tạo dựng đến chín ngôi già lam rải rác khắp tỉnh Rạch Giá. Song song với công cuộc hoằng pháp, sư còn chủ trương đưa Phật giáo đi vào cuộc đời, xoa dịu bớt những nỗi thương đau của người dân nghèo bị trị. Đạo đức của sư vang lừng khắp miền Nam, lan rộng đến Nam Vang. Nơi nơi thỉnh sư về thuyết pháp, giảng dạy kinh luận. Năm 1931, sư đã tích cực yểm trợ phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà của tổ Khánh Hòa, và đảm nhận chức vụ cố vấn cho Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học. Hội bị vài cư sĩ khuynh loát, sinh hoạt đình trệ. Sư Khánh Hòa lui về Trà Vinh thành lập Liên Đoàn Phật học xã, rồi đổi thành Hội Lưỡng Xuyên Phật Học, để chăm lo việc đào luyện tăng tài. Sư Trí Thiền ủng hộ tài chánh mạnh mẽ cho hai tổ chức nầy, nhưng sư nhận thấy mục tiêu khiêm tốn đào tạo tăng tài không đáp ứng nỗi nhu cầu khẩn thiết của đất nước. Phật giáo phải đi vào cuộc đời, tích cực xoa dịu thương đau người dân, tiêu trừ tệ trạng dốt nát nghèo đói, và nếu cần, phải đứng lên chống nạn bốc lột kinh tế, lũng đoạn thị trường của những kẻ thiếu lương tâm. Đó là lý do khiến sư đã đứng lên vận động giới tu sĩ Phật giáo trong tỉnh kết hợp thành tổ chức thống nhứt lấy tên Hội Phật Học Kiêm Tế năm 1937 và cho ra đời tạp chí Tiến Hóa hai tháng sau đó. Vì công việc đa đoan sư đã ủy thác tờ báo Tiến Hóa cho sư Pháp Linh và sư Thiện Chiếu đảm trách. Hai vị nầy, một người rất tán đồng lề lối nhập thế của tân tăng Nhựt Bổn, người cảm tình với duy vật biện chứng, nên có luồng dư luận nghi ngờ tờ báo thân Nhựt và thân cộng. Sư đặt trọng tâm vào việc hoằng pháp, phát triển cơ sở Phật giáo và đẩy mạnh công tác xã hội từ thiện: tổ chức cứu trợ nạn nhân bão lụt năm Đinh Sửu, đẩy mạnh phong trào bình dân giáo dục và phòng thuốc phước thiện, có đông y chẩn bệnh, có nơi tạm trú cho bệnh nhân ở xa… Sư cũng chánh thức thành lập Viện Mồ Côi đặt tại Rạch Giá và dự trù thành lập Viện dưỡng lão tại Tam Bảo Từ Tôn, Hòn Quéo.   
Công việc đa đoan, nhưng sư vẫn dành thời giờ tổ chức lễ tưởng niệm người anh hùng dân tộc, và buổi lễ, may mắn đã diễn ra êm đẹp, không bị phá hoại như những nguồn tin dọa nạt lúc đầu. Điều đáng tiếc lại xảy ra trong nội bộ. Một biên tập viên Tiến Hóa xuyên tạc buổi lễ, chỉ trích cố lãnh binh Nguyễn Trung Trực là tay sai phong kiến nên không đáng được đề cao. Sự kiện nầy thúc đẩy sư đi đến quyết định chấn chỉnh nhân sự tờ báo, một quyết định sư đã manh nha khi nhận thấy tờ báo bắt đầu vượt khỏi tầm kiểm soát, bài vở quá khích có thể gây nguy hại đến kế hoạch hoằng pháp và từ thiện xã hội trường kỳ của sư. Sư Pháp Linh và sư Thiện Chiếu bất mãn bỏ đi. Sư Trí Thiền liền cho người liên lạc với ông cử Võ Ngọc Hoành, một nhân sĩ thuộc phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đang bị Pháp giam lỏng tại Sa Đéc, để nhờ giới thiệu cây viết khác và bọn mật thám Pháp tại Sa Đéc bắt được tin nầy. Tình hình chính trị thế giới cuối năm 1939 đã xoay chiều. Pháp thua trận nhục nhã tại chánh quốc, và Nhựt đang hùng hổ gây hấn mưu toan bành trướng thế lực tại vùng Đông Nam Á. Bọn cầm quyền Pháp tại Đông Dương buộc lòng ve vãn nhượng bộ Nhựt, không dám công khai đụng chạm đến những phe nhóm chánh trị người bản xứ được Nhựt đỡ đầu. Mặt khác, chúng hiểm độc ra tay đối phó với hiểm họa Nhựt, bằng cách ngấm ngầm bóp chết ngay trong trứng nước các phe nhóm toan móc nối Nhựt. Luận điệu thân Nhựt của tờ Tiến Hóa trùng hợp mối liên lạc mật thiết của sư Trí Thiền và nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục, đã là nguyên nhân thúc đẩy bọn Pháp ra tay hạ độc thủ. Chỉ hai tuần sau vụ lủng củng nội bộ, bọn Mật Thám từ Sa Đéc đã kéo về Rạch Giá hợp với đám địa phương, bao vây chùa Tam Bảo lúc nửa đêm khám xét bắt sư Trí Thiền và người đệ tử là sư chú Thiện Ân, tục danh Trần Văn Thâu đem về sở mật thám khảo tra. Theo biên bản, mật thám khám phá được 40 tạc đạn nội hóa cùng những tài liệu liên quan đến Xứ ủy Nam Kỳ cất giấu tại chùa. Cũng theo biên bản thì hai trái lựu đạn gài nơi bàn vong đã nổ tung trong khi mật thám lục soát làm một người đội tên Xuôi bị thương nhẹ ở tay. Sư chú Thiện Ân bị tra tấn dã man và nhận tội một mình, không khai ai là đồng đảng. Có thể sư chú không chịu nỗi đòn bộng đành nhận tội cho xong, cũng có thể, sư chú hy sinh nhận tội một mình để sư phụ Trí Thiền khỏi bị tra tấn. Điểm mà sư Trí Thiền tin chắc là người đệ tử không dại dột mang những thứ nguy hiểm đó, hơ hỏng lưu giữ tại chùa, nơi mà thiện tín tự do ra vào hành lễ, vừa là nơi làm báo, trường học, bệnh xá chẩn bệnh cho thuốc, viện cô nhi… Chỉ có những kẻ đi bắt người mới đủ khả năng và điều kiện sản xuất rồi mang tới chùa vu oan giá họa. Họ muốn múa rối, tung hỏa mù, vẽ vời biên bản hại người cách nào chẳng được. Do đó, tuy chụp cho tội ghê gớm là tổ chức vũ trang phá rối trị an, mà ngoài mấy trái lựu đạn thô sơ gài tại bàn vong !!! và lời nhận tội yếu ớt của sư Thiện Ân, thì không còn bằng chứng nào khác; không đồng lỏa, không đoàn viên tham gia, không người sản xuất vũ khí, cũng không hề có các vụ rải truyền đơn, gài lựu đạn phá hoại nào xảy ra tại Rạch Giá cả… Thế nhưng, hồ sơ buộc tội hàm hồ đó lại kết thúc nhanh chóng, nội vụ đưa ra trước tòa Đại Hình Saigon để cuối cùng chúng cũng long trọng tuyên án: Tử hình Trần Văn Thâu tức Thích Thiện Ân và phạt Nguyễn Văn Đồng tức Thích Trí Thiền chung thân khổ sai. Thời gian qua, sư Trí Thiền và đệ tử luôn bị kiểm soát gắt gao, nghiêm cấm liên lạc, giam riêng, nên thầy trò không có cơ hội nào trò chuyện riêng tư cả. Sau khi Tòa đã tuyên án, việc nghiêm cấm không còn nữa, đám tù nhân thành án gom lại một nơi để chờ đợi lên đường về khám lớn, sư Trí Thiền mới có dịp đứng cạnh đệ tử. Thầy trò trầm lặng nhìn nhau, bao nhiêu thương yêu tràn ra trong ánh mắt nhưng chẳng ai thấy cần thiết mở lời. Mãi đến khi sắp giã biệt, sư chú Thiện Ân mới khe khẽ ngâm nga:

Thân xác nào có chủ  
Hình hài vốn lai không !  
Đem đầu kề gươm bén  
Như chém ngọn gió Xuân. (6)

Sư Trí Thiền mỉm cười. Sư cánh cánh thầm lo người đệ tử hiên ngang không sợ chết nầy, không hành nỗi hạnh hỷ xả để rồi cứ mang mang ôm ấp thù hận trong lòng. Bây giờ sư mới an tâm chia tay. Sư sung sướng nghe đệ tử nguyện đón cái chết nhẹ nhàng, mát mẻ như đón ngọn gió xuân…   
Trước vành móng ngựa cũng như bao lần bị tra tấn lấy khẩu cung, sư Trí Thiền vẫn giữ được thái độ trầm tỉnh thong dong của bậc chân tu, khiến cho những kẻ hung hăng thô lỗ không còn chút tình người cũng phải sinh tâm kính trọng. Tuy vậy, khi trở về phòng biệt giam, thui thủi một mình sư cũng nghe lòng mình se thắt lại. Sư chẳng vương chút hận thù, chẳng bợn lòng tiếc nuối sự nghiệp bọt bèo tan tác, cũng không đau đớn lo âu thân phận tù tội đọa đày. Thế nhưng, sư lại bâng khuâng vận nước, bồn chồn nhớ nghĩ đến đám dân nghèo mất nơi nương tựa, trẻ con thất học bụi đời, trẻ mồ côi, người bệnh hoạn không tiền thang thuốc… Do đó, khi tọa thiền sư cứ bị phân tâm. Sư chọn phương pháp dụng công giản dị như sổ tức quán, tức đếm hơi thở, mà cũng bị lầm lộn mãi. Cuối cùng sư phải vận dụng đến pháp môn trì chú. Sư tụng chú đại bị liên tục. Tụng chú thì phải chăm chỉ theo dõi từng tiếng Phạn trúc trắc khó đọc, nên không còn nhớ nghĩ chuyện gì khác. Nhờ vậy, chỉ trong vòng một tuần lễ, sư cởi bỏ được những nỗi niềm xao xuyến trong tâm, và lần lần cảm thấy thong dong tự tại trong tù ngục.   
Đầu thu năm1942, sư bị giải giao bằng tàu ra Côn Đảo. Tù nhân cùm dính chùm hai người với nhau bị tống xuống hầm tàu dồn nén như cá mòi hộp. Khẩu phần được phát một lần, rồi cửa hầm đóng lại. Địa ngục nổi trở nên tối tăm, nóng bức kinh người. Mùi mồ hôi, mùi dầu, mùi mốc, ngột ngạt khiến đầu óc bọn tù choáng váng, ngầy ngật. Ra khơi chừng năm giờ, tàu lại bị sóng to trồi lên sụp xuống, khiến cho bọn tù nhân, vốn bị nóng bức ngột ngạt hành hạ, say sóng lê lết ói mửa, tiêu tiểu bừa lên nhau. Địa ngục nổi vừa là địa ngục lắc lư, địa ngục phẩn tiểu tối tăm, hôi hám, bẩn thỉu, nóng bức ngột ngạt, khổ sở không kể xiết. Sư Trí Thiền là người duy nhất không bị say sóng, có lẽ nhờ sư để bụng đói, sư đã nhường phần ăn của mình cho người bạn tù trẻ. Sư kéo người bạn cồng chung tay ngồi dựa sát bên, sư nâng đầu người khác ngữa lên đùi, vuốt ve an ủi. Sư nhỏ nhẹ khuyên lơn mọi người đừng sợ hãi, đừng chán nản, vì sóng gió nào rồi cũng qua đi. Hốt nhiên sư khám phá rằng hoằng nguyện Quán Thế Âm, xoa dịu thương đau chúng sanh ngày trước của sư, vẫn có thể thực hiện được ngay trong ngục tù, dù với phương tiện hạn hẹp tại chốn nầy. Sư không nhất thiết phải làm thầy, phải tụng kinh, gõ mõ nữa. Sư cứ tùy tiện, tùy duyên mà làm. Ai cần đến sự nâng đỡ của người cha, sư sẽ là người cha bao bọc họ. Ai cần đến sự nâng niu của bà mẹ, sư sẽ là bà mẹ vỗ về an ủi họ. Ai cần đến sự chăm sóc của người con, sư sẽ là đứa con ngoan hiền hiếu thảo phụng dưỡng họ. Trong lặng yên, lòng sư lại hân hoan rộn ràng tiếng ca:

Hốt nhiên trong địa ngục   
Chợt khám phá đạo tràng   
Thân gông cùng xiềng xích   
Hoằng nguyện vẫn thênh thang…

Cuối cùng tàu cũng cập bến Côn Sơn, tù nhân từng cập dắt díu lê lết lên bờ trình diện ban cai ngục trên đảo và liền được lệnh đứng nghiêm để nghe những lệnh lạc mới phải tuân hành. Bọn tù nhân vừa trải qua mấy ngày đường thê thảm, đầu óc lờ khờ, tay chân quờ quạng… ngây dại không thi hành đúng chỉ thị liền bị ngay một trận đòn tối tăm mặt mũi, không hiểu rõ nguyên nhân. Đây là trận đòn khai tâm, dằn mặt bọn tù mới đến, lần nào cũng xảy ra như một cái lệ, vì lý do trừng trị thì lúc nào bọn cai ngục bươi ra cũng có. Sau khi phân loại, sư Trí Thiền với tội danh đầu đảng phản loạn nguy hiểm, liền bị tống vào lao kỹ luật trại số 1, nhằm trừng trị những thành phần ngoan cố: tấn công giám thị, chủ mưu phá ngục, vượt ngục, giết lính giết bạn tù… Tù nhân bị trừng trị thẳng tay, khẩu phần ăn bị giảm, ngày đêm xiềng xích, mỗi ngày chỉ được phép ra ngoài sưởi nắng một giờ. Tù nhân bị hành hạ dai dẳng, thân tâm kiệt quệ, bại liệt gầy còm, ngây ngây dại dại như một bóng ma nằm cú rũ trong góc phòng u tối để chờ đợi đến giờ ân huệ, vận dụng hết chút hơi tàn còn lại bò lê lết ra ngoài hưởng chút không khí trong lành. Sư mang thông điệp yêu thương tươi mát vào lao kỹ luật. Sư gợi chuyện, thuật những mẫu chuyện đạo nội dung vui tươi, để tạo dựng được những nụ cười làm tan loãng bớt không khí sầu thảm nơi đây. Xây dựng được nhịp cầu cảm thông, sư bắt đầu khuyên họ áp dụng phương pháp niệm Phật tu tâm. Tiếng niệm Phật ngăn chận nỗi niềm nhung nhớ thế giới bên ngoài cùng chuỗi đời quá khứ buồn thương. Tiếng niệm Phật cũng xóa tan đi mối sầu lo cho tương lai mờ mịt. Mỗi tiếng niệm Phật là một bước quay về thế giới Cực Lạc, mỗi tiếng niệm Phật là một niệm an tịnh hiện tiền ngay chốn tù đày. Mỗi ngày ba thời, sau khi sư thỉnh ba tiếng chuông miệng "boong ! boong ! boong !", cả lao đồng nghiêm chỉnh thiết tha cất tiếng niệm "Nam mô A Di Đà Phật". Song song với việc tu tâm, sư khuyên họ cố gắng cử động tay chân, mỗi giờ rủ nhau ngồi lên đứng dậy, xoa bóp tay chân cho máu huyết lưu thông. Trong giờ ra ngoài phơi nắng, tù mạnh dìu tù yếu đi tới đi lui, để tránh tình trạng nằm ủ rũ không cử động như ngày trước. Người tê bại nặng quá, không đủ sức xê dịch nỗi, sư đích thân xoa bóp chân họ, rồi khuyến khích họ cố gắng nhích từng bước như đứa bé mới tập đi. Lao kỹ luật, vốn vang danh là nhà lao chết, đã tràn đầy sinh khí, ẩn hiện trong từng tiếng niệm Phật chân thành, trên từng nét mặt tin yêu, trong thân thể gầy gò, tay chân ngượng ngập…   
Đầu năm 1943, sư Trí Thiền được chuyển sang trại số 4, một trại giam chánh trị phạm, trực thuộc sở củi. Qui chế trại tương đối thoải mái: tù nhân mỗi ngày được đưa vào rừng đốn củi, tuy phải làm việc cực khổ nhưng được chút đỉnh tự do, được vận động và thở không khí trong lành. Tù nhân chánh trị có tinh thần vững chãi, biết đoàn kết và có tư cách nên giám thị cũng nể nang. Tù nhân, tùy theo khuynh hướng chánh trị mà kết hợp mật thiết với nhau thành nhiều nhóm, không thân thiện nhau cũng không công khai chống báng nhau. Sư Trí Thiền không gia nhập nhóm vào. Với ai, sư cũng tròn đầy hạnh nguyện Quán Âm, sư xả thân làm cha mẹ, anh em, vợ con, bè bạn… để khuyên lơn, an ủi, đỡ đần họ.   
Chỉ trong một thời gian ngắn, sư đã kết thân với hầu hết mọi người, như một gạch nối cho các phe nhóm khác biệt. Trở ngại duy nhất mà sư vấp phải là thái độ chống đối ra mặt của Ba Lợi. Ba Lợi chỉ trích sư thiếu chất "sắt máu", không ngùn ngụt thù hận như kẻ chân chính làm cách mạng, sư là hiện thân của hạng cầu an cúi đầu trước kẻ thù, mà còn khờ dại tiếp tục sử dụng tôn giáo ru ngủ kẻ khác, vô tình làm công cụ phục vụ cho bọn thực dân phong kiến thống trị nữa. Sư vận dụng mọi cách để gần gũi với Ba Lợi, nhưng tất cả thiện chí dường như vô ích.   
Mùa hè năm Quí Mùi, thời tiết Côn Sơn bỗng trở nên độc địa khác thường. Bệnh dịch tả xuất hiện rồi hoành hành dữ dội. Thế chiến thứ hai đang diễn ra khốc liệt, Âu dược cực kỳ khan hiếm, không đủ mức dự trữ cho đám quản trị trại tù và gia đình họ, huống hồ ban phát đầy đủ cho bọn tù nhân. Tù nhân bệnh la liệt, bệnh xá không chỗ chứa, nên chi tù bệnh nặng nhẹ gì cũng chỉ được phát thuốc, và nằm trong trại cốc tự dưỡng bệnh. Tù nhân trại số 4 vẫn phải vào rừng đốn củi, nhưng sư Trí Thiền tình nguyện ở lại chăm sóc người bệnh. Sư thương yêu cưng chiều từng người như bà mẹ lo lắng cho con, kể cả những con bệnh khó tánh như Ba Lợi. Sau cơn ói mửa, Ba Lợi lả người nằm thiêm thiếp, hơi thở yếu ớt tưởng như sắp lìa đời. Thình lình trong cơn mê, hắn mấp máy từng tiếng đứt khoảng:

Thiên Đàng Địa Ngục hai bên  
Ai khôn thì nhờ, ai dại thì sa  
Thiên Đàng nhớ Chúa tưởng Cha  
Đọc kinh cầu nguyện kẻo sa linh hồn…  
Linh hồn phải giữ linh hồn  
Đến khi gần chết được lên Thiên Đàng…

Đây là bài hát trẻ con trong trò chơi Thiên Đàng Địa Ngục phổ biến trong các họ đạo, mà khi lên năm tuổi, theo phụ thân đến nhà thờ, sư đã có dịp tham dự đôi lần. Thì ra Ba Lợi chẳng phải là kẻ không tôn giáo, những lúc bệnh hoạn khổ sở, hắn vẫn thầm mơ về Chúa. Thật là tội nghiệp ! Hắn đã phải che dấu niềm tin của mình bằng thái độ chống báng tôn giáo quá khích, và giờ đây trong cơn mê mối ẩn ức nằm sâu trong tiềm thức mới tự động tuôn trào. Sư nghĩ Ba Lợi cần được sự nâng đỡ tinh thần và vật chất của vị linh mục sở tại nên nhờ viên giám thị, thông báo với cha có con chiên bệnh nặng chờ chết. Linh mục Jean tức tốc đến nơi. Nhận thấy bệnh trạng của Ba Lợi đã hiểm nghèo, linh mục đưa hắn đi bệnh viện chữa trị ngay.   
Ngày xưa khi sư phụ Vĩnh Thùy sắp từ trần, người dặn dò sư giải quyết công án thiên đàng địa ngục của tổ Trí Tạng: "Một vị cư sĩ hỏi tổ Trí Tạng:   
- Có thiên đàng, có địa ngục chăng ?   
Tổ đáp:   
- Có   
- Có tam bảo: Phật, Pháp, Tăng chăng ?   
- Có   
- Hòa thượng lầm rồi ! Con đã hỏi hòa thượng Cảnh Sơn, Ngài nói tất cả đều không kia mà !   
- Người có vợ chăng ?   
- Có !   
- Hòa thượng Cảnh Sơn có vợ chăng ?   
- Không !   
- Hòa thượng Cảnh Sơn nói không là phải !"   
Công án thoạt nghe tương tợ như công án "có Phật tánh" và "không Phật tánh" của tổ Triệu Châu (7), nhưng khi nhìn sâu vào thì dường như có nét biến chuyển chập chùng kỳ bí. Thuở ấy, sư quá bận bịu với công cuộc hoằng dương đạo pháp, nên chỉ hiếu kỳ tham cứu một thời gian rồi bỏ quên lửng. Nay vô tình nghe Ba Lợi thều thào bài hát Thiên Đàng Địa Ngục, công án năm xưa bỗng trổi dậy mãnh liệt trong tâm, rồi mối nghi tình lo lớn chụp phủ xuống không có chỗ nào tránh thoát. Dẫu sư đi, đứng, nằm, ngồi, săn sóc bệnh nhân, trò chuyện với người, hay làm bất cứ động tác nào thì công án cũng bám cứng trong tâm, không phương cách gì tách rời ra khỏi… Sư cảm giác như Tổ Trí Tạng đang đối thoại với chính sư. Đối thoại đó lập lại như một điệp khúc tiếp nối triền miên, mà âm diệu thì mỗi lần mỗi khác. Cũng tiếng đáp "có và không" đôi khi sư nghe như dồn dập khẩn thiết, khi thì nghiêm trang cổ quái, lúc lại đượm về mỉa mai, trêu cợt, khinh đời. Sư bị bức bách trong trạng thái lạ lùng nầy, một mình mình biết, một mình mình chịu, chẳng có thầy bạn ở gần giải bày tâm ý. Trại giam nóng bức, chật nứt người mà sư lại cảm giác như đang cô đơn thất thiểu trong vùng Bắc cực buốt giá, mắt trao tráo nhìn tảng băng công án chình ình nằm cản lối, tai lại nghe dồn dập tiếng ca "Thiên đàng địa ngục hai bên. Ai khôn thì nhờ, ai dại thì sa !". Ôi ! đó là trò chơi thuở bé hay là trò chơi suốt cả cuộc đời: mải miết quay cuồng với phải trái, thịnh suy, khôn dại… để chìm nổi theo địa ngục thiên đàng.   
Nạn dịch tả giảm dần, trại giam trở lại nếp sống thường nhựt. Ba Lợi hoàn toàn bình phục, hắn trở lại đạo, và được vị linh mục ưu ái thăm nom săn sóc. Hắn được chuyển thành tù áo trắng, không phải đi đốn củi nữa, mà hàng ngày lãnh nhiệm vụ quét dọn, chăm sóc cây kiểng tại nhà thờ, tối mới về trại ngủ. Tuy nhiên, mối giao tình của Ba Lợi và nhóm thân hữu của hắn có vẻ gượng gạo. Họ cố tình tránh né hắn, hắn cuống quít vồn vã, thì họ lại càng xa lánh. Dường như họ nghi ngờ, lo lắng y sẽ tiết lộ những bí mật phe nhóm. Sư Trí Thiền thoáng thấy điểm đó, và dự định khuyên Ba Lợi, nên nhờ uy thế của vị linh mục để chuyển sang trại khác. Thế nhưng, sư lại đang điên đầu với công án thiên đàng địa ngục, sư thở vào, thở ra, cưa cây xẻ củi, cũng đeo công án dính cứng không gỡ thoát được, nên chuyện hiểm nguy của Ba Lợi sư chỉ thoáng nghĩ rồi bỏ qua tức khắc.   
Đêm đến sư ngồi tọa thiền, mối nghi càng mãnh liệt, công án lồ lộ trước mắt, bao nhiêu tâm ý đặt vào đó, không mảy may vướng bận chuyện bên ngoài. Sáng hôm sau vừa xả thiền, sư nghe cả trại nhốn nháo tin Ba Lợi bị đâm chết. Ba Lợi giận dỗi đám thân hữu bỏ sang nằm cạnh sư, sư chẳng hay biết gì cả mới thật là kỳ lạ. Nội vụ được thông báo ngay cho ban giám thị và cả trại bị giữ lại để điều tra. Chúng cật vấn từng tù nhân, dụ dỗ, dọa nạt từng người vẫn không tìm ra manh mối. Cuối cùng chúng đưa biện pháp trừng phạt cả trại bằng cách cho tù ăn cơm không, không có muối và thực phẩm nào khác. Chỉ trong năm ngày thiếu chất muối, bọn tù kiệt sức nằm rên rĩ, có kẻ điên loạn cào cấu cả mặt mày. Thế nhưng ai cũng tuân phục nguyên tắc không nghe, không thấy, không biết… nên khổ sở cùng cực mà chẳng chịu hở môi.   
Sư Trí Thiền đã phát hoằng thệ nguyện hành hạnh Quán Âm, do đó, tuy sư đang thao thức mong giải quyết công án "thiên đàng địa ngục", mà hạnh nguyện ban vui cứu khổ vẫn không quên được. Sư đứng ra nhận tội một mình. Ngay sau đó, biện pháp trừng trị trại số 4 được giải tòa, riêng sư được chuyển sang chuồng cọp biệt giam, chờ viên thiếu tá Chúa Đảo kiêm Giám Đốc Khám Đường xử lý. Tình hình chính trị cuối năm 1943 trong đất liền rất rối ren, viên Chúa Đảo không muốn bận tâm chở phạm nhân vô ra Saigon để Tòa Đại Hình xét xử theo thủ tục bình thường. Hắn xử trí những vụ sát nhân trong đảo theo đường lối riêng: cho toán lính tin cậy đưa tù nhân đến bãi biển Tây Nam rồi bắn sau lưng tù nhân, đoạn lập biên bản xác nhận tù nhân bị hạ sát trên đường vượt ngục toan lội biển trốn sang hòn Bà.   
Phòng biệt giam rất thuận tiện cho việc tọa thiền. Sư lại biết ngày chết của mình đã gần kề, nên bao nhiêu tâm lực sư dốc hết vào việc giải quyết công án. Điều trớ trêu là càng hấp tấp thì càng đổ vỡ, mối đại nghi mà đôi lúc sư tưởng như đã đạt đến đầu mé bỗng ì ra không xê dịch thêm gì được. Đến nửa đêm, sư xả thiền, xoa bóp tay chân, bước tới lui mươi phút cho giãn gân cốt, rồi tiếp tục tọa thiền lại. Một chút thất vọng lóe lên khiến sư phân tâm, động niệm chuyện xa gần. Một niềm vui len lén đến với sư khi sư chợt nhớ đến hoằng nguyện xả thân cho dân tộc và đạo pháp của mình, niềm vui đó bỗng đổi thành chút xót xa khi sư nghĩ đến bọn ngoại nhân xâm lược vẫn còn đang dày xéo nước nhà. Hốt nhiên, sư chợt khám phá rằng trong niệm đầu sư còn lơ lửng ở chốn thiên đàng mà niệm kế tiếp, thì sư đã bị lôi tuột xuống địa ngục rồi. Sư lại bị trì kéo giữa thiên đàng địa ngục hai bên, lại phải đối đầu với công án có vợ có thiên đàng địa ngục, không vợ không thiên đàng địa ngục nữa rồi ! Kẻ có vợ chắc đã thực nghiệm đủ mọi trò mật ngọt đắng cay của tình yêu, họ bị sợi dây tình ái lôi kéo chằng chịt giữa thiên đàng địa ngục, đó là sự thật hiển nhiên rồi. Sư không vợ cũng như tổ Cảnh Sơn, thế sao sư lại bị trôi lăn chốn thiên đàng địa ngục ? Sợi dây nào đã lôi kéo sư đây ? Câu trả lời bỗng hiện ra như một tia chớp. Sư tự khám phá mình cũng bị ràng buộc bởi dây tình ái, thứ tình không thô kệch như tình chồng vợ, mà ẩn hiện vi tế cao đẹp khó thấy như tình dân tộc, tình đạo pháp… Còn tình nhiễm thì còn bị xâu vào xích của mười hai nhân duyên luân hồi sanh tử. Còn tình nhiễm là còn phân biệt đúng sai, khôn dại, vinh nhục…, còn mảy may thương ghét, còn xoay tít trong vòng địa ngục thiên đàng. Thế rồi, những ý niệm về biên giới, màu da, chủng tộc, thiện ác, đúng sai… bỗng nhiên tan biến không còn tung tích. Sư chợt thấy lòng nhẹ nhỏm, thênh thang, tình yêu bình đẳng lồng lộng ngút ngàn.   
Trong chớp mắt khối nghi dằng dặc đè nặng bỗng vỡ tan thành mảnh vụn, một niềm an lạc kỳ diệu bao trùm thân tâm sư. Cả sơn hà đại địa, một toàn thể chiếu diệu, trong suốt, trạm nhiên, vắng lặng… lồ lộ hiện bày, không còn gì để nghi ngờ, không còn gì để mô tả nữa.   
Sư lắng chìm trong trạng thái kỳ bí nầy cho đến khi cửa phòng giam mở, và viên giám thị lên tiếng giục:   
- Đi nhanh lên ! lão già !   
Sư từ hòa đáp:   
- Cảm tạ chú nhắc nhở ! đúng vậy, đã tới lúc ta nên ra đi rồi !   
Người cai ngục không ngờ tên sát nhân đến lúc sắp đền tội vẫn điềm tỉnh nhường ấy. Lạ nhứt là giọng nói của lão sao hiền hậu quá, giống như người cha già thân thương tâm sự với con. Mắt quen dần bóng tối, anh hiếu kỳ quan sát lão tù nhân già, hai chân tréo nhau ngồi dưới đất, mặt rạng rỡ, đang nhìn anh mỉm miệng cười. Bỗng nhiên anh cảm giác một niềm vui kỳ diệu từ người tù nhân già trao đến. Anh quyến luyến nhìn lão già thêm một lúc, rồi bồi hồi lên tiếng:   
- Ông lão đi nỗi không ? tôi đỡ ông lão đi nhé !   
- Chú dễ thương quá ! Xin chú khỏi bận tâm. Ta đi mình "ênh" được rồi !   
Nói xong lão già nhắm mắt lại, môi lão không động đậy mà người cai ngục nghe văng vẳng như có tiếng ca:

Không đúng sai khôn dại  
Hết địa ngục thiên đàng  
Dạo chơi nơi huyễn cảnh  
Tùy duyên lập đạo tràng…  
Người cai ngục cảm thấy lòng xao xuyến, anh ta linh cảm có

Người cai ngục cảm thấy lòng xao xuyến, anh ta linh cảm có điều bất ổn, vội tiến tới sờ mũi, sờ ngực thì mới hay lão tù nhân già đã vĩnh viễn ra đi rồi.   
Ghi chú:  
1. Tà Niên là địa danh xưa, nay thuộc xã Vĩnh Hòa Hiệp, Kiên Giang. Hai câu ca dao tác giả nghe được có phần thô tục, tác giả đã thay đổi 3 chữ cho nhẹ bớt, tuy kém phần dí dỡm nhưng vẫn giữ nguyên ý khen gái Tà Niên khéo tay, nơi kín đáo nào cũng thêu thùa làm đẹp và trai An Hòa cần cù nên giống gì cũng đem xỏ xâu làm khô cả. Tác giả có lời xin lỗi về hành vi tự tiện nầy.   
2. Cụ Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch, người làng Bình Đức, huyện Bến Lức, Long An. Cụ là vị anh hùng kháng Pháp lừng lẫy với 2 chiến công oanh liệt: đốt tàu Espérance tại Nhựt Tảo và tiêu diệt đồn binh Săn Đá tại Rạch Giá:   
Hỏa hồng Nhựt Tảo, oanh thiên địa  
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỉ thần.  
(thơ của cụ Huỳnh Mẫn Đạt)  
Khi Pháp xâm chiếm ba tỉnh miền Đông, cụ đã đứng lên hô hào thanh niên tụ hợp dưới cờ để kháng địch. Ngày 10.12.1861, nghĩa quân đã bắt thần tấn công thiêu hủy tàu Espérance của Pháp neo tại lòng sông Nhật Tảo, thuộc ấp Nhựt Minh, quận Tân Trụ và tiêu diệt trọn ổ lính Pháp. Một tiểu hạm khác, neo tại sông Tra cũng bị nghĩa quân phá hủy 16.12.1862.   
Khi Pháp lại đem quân thôn tính ba tỉnh miền Tây, cụ Nguyễn Trung Trực được vua Tự Đức phái vào miền Tây tiếp tục chiến đấu. Người về Sân Chim, huyện An Biên chiêu mộ anh tài, kết nạp nhóm Ông Lâm Quang Ky, rồi đưa quân đột ngột hạ thành sân đá Rạch Giá hạ sát 73 sĩ quan binh sĩ người Pháp, đoạt được 100 súng đủ loại.   
Khi Pháp kéo đại quân phản công, nghĩa quân thế yếu phải rút về Hòn Chông, rồi dong thuyền ra Phú Quốc lập căn cứ chiến đấu. Bọn Pháp vây đánh không được, phải đem bọn Việt gian Huỳnh Công Tấn, Trần Bá Lộc ra Phú Quốc, sử dụng phương pháp khủng bố đê tiện: bắt giam mẹ cụ Nguyễn và bắt dân lành bỏ đói phơi nắng để làm áp lực buộc cụ Nguyễn ra đầu thú. Lực lượng đã kiệt quệ, nghĩ mình trốn lánh chỉ tội nghiệp dân lành, cụ Nguyễn ra trình diện nhận chịu án trảm quyết tại chợ Rạch Giá ngày 27.10.1868, nhằm ngày 12.09 âm lịch năm Mậu Thìn.   
Tương truyền, trước khi bị hành quyết cụ đã sang sảng ngâm bài thơ tuyệt mệnh:   
Thư kiếm tùng nhưng tự thiếu niên,  
Yêu gian đàm khí hữu long tuyền,  
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa.  
Bảo hận thâm cừu bất đái thiên.  
Thi sĩ Đông Hồ đã dịch nôm:   
Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,  
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài.  
Anh hùng gặp phải hồi không đất,  
Thù hận chang chang chẳng đội trời.  
3. Cù lao Giêng (người địa phương gọi là cù lao Gieng): cù lao trên sông Hậu Giang, thuộc xã Tấn Mỹ, quận Chợ Mới, An Giang.   
4. Kinh Thánh, Tân Ước, sách Luke, chương 15, từ câu 11 đến 32. Con thưa cùng cha rằng: Cha ơi ! tôi đã đặng tội với trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Nhưng người cha bảo đầy tớ rằng: Hãy mau mau lấy áo tốt nhứt mặc cho nó; đeo nhẫn vào ngón tay, mang giày vào chơn. Hãy bắt con bò mập làm thịt đi. Chúng ta hãy ăn mừng, vì con ta đây đã chết mà bây giờ lại sống, đã mất mà bây giờ lại thấy được. Đoạn, họ khởi sự vui mừng (trích nguyên văn các câu 21, 22 và 23).   
5. Thiền sư Trí Thiền tục danh Nguyễn Văn Đồng, sanh năm 1882 tại Rạch Giá, con của cụ Nguyễn Văn Trinh và bà Nguyễn Thị Trường ấu niên xuất gia với hòa thượng Vĩnh Thùy, tại chùa Sắc tứ Tam Bảo, Rạch Giá. Năm 32 tuổi, sư tiếp nhận trụ trì chùa Tam Bảo và khởi công đại tu bổ ngôi cổ tự nầy. Sau đó, sư tiếp tục sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, tạo dựng thêm 9 ngôi chùa rải rách khắp tỉnh Rạch Giá: Tam Bảo Hòa Thạnh tự Vĩnh Hiệp, Vĩnh Phước tự Tà Niên, Bửu Hưng tự Gò Đất, Phước Hưng tự Ngăn Gừa, Tam Bảo Từ Tôn Sóc Xoài, Tam Bảo Kỳ Viên hòn Quéo và Tam Bảo Long Sơn hòn Đất. Song song với sự nghiệp hoằng pháp, sư chủ trương đem đạo Phật vào cuộc đời để xoa dịu thương đau của người dân nghèo khốn khổ. Sư tổ chức Bình Dân học vụ dạy trẻ em nghèo thất học, mở phòng khám bệnh Đông Y chẩn bệnh và phát thuốc miễn phí, tổ chức cứu trợ nạn nhân bão lụt, lập cô nhi viện, xây dựng cầu cho dân đi lại (cầu dài 100 nhịp từ bán đảo hòn Me ra tới hòn Quéo) và chuẩn bị lập dưỡng lão viện. Ưu tư với sự tồn vong của đạo pháp và dân tộc, sư quyết tâm lập Hội Phật giáo Kiêm Tế và cho xuất bản tạp chí Tiến Hóa để phổ biến tư tưởng Phật giáo nhập thế của mình. Tờ báo được giao cho sư Pháp Linh tục danh Phan Thành Hòa làm chủ bút, với sự phụ tá của sư Thiện Chiếu tục danh Nguyễn Văn Sáng. Hai vị nầy một người thán phục Nhựt, một người cảm tình chủ nghĩa duy vật biện chứng, do đó, tờ báo bị nghi ngờ thân Nhựt và thân Cộng.   
Cuối năm 1938, mật thám Sa Đéc hợp với mật thám Rạch Giá lục soát và bắt giữ sư Trí Thiền và người đệ tử pháp danh Thiện Ân, biên bản ghi nhận khám phá quả tang tàng trữ 40 quả lựu đạn nội hóa để làm việc phản loạn, khi lục soát hai trái lựu đạn đã nổ làm người đội tên Xuôi bị thương. Tòa Đại hình Saigon xử tử hình thầy Thiện Ân và phạt thiền sư Trí Thiền chung thân khổ sai, lưu đày Côn Đảo. Sư đã từ trần ngày 26.6.1943, nhằm ngày 24.05 âm lịch năm Quí Mùi, sau một thời gian dài tuyệt thực thiền định.   
Dù chánh quyền Pháp rêu rao bắt sư Trí Thiền có bằng chứng rõ rệt, nhưng trên thực tế nội vụ có rất nhiều nghi vấn:   
- Sư Trí Thiền là người làm việc thận trọng và tế nhị, sư đã mời viên chánh tỉnh Dufour làm hội trưởng danh dự hội Kiêm Tế, lập ban chấp hành với thành phần viên chức thân chánh quyền có uy tín như: Đốc phủ Tôn Quang Huy, Đốc phủ Đỗ Kiết Triệu, Đốc học Huỳnh Văn Yến…, thương gia, địa chủ như Đỗ Khuôn Mậu, Nguyễn Đức Huê, Nguyễn Văn Phụng, Giang Minh Xinh… Sư không khờ khạo tin tưởng với 40 quả lựu đạn nội hóa làm bằng hộp lon nổ không chết ai, mà có thể tổ chức được lực lượng võ trang chống Pháp; huống chi chùa Tam Bảo tấp nập kẻ vô ra như cái chợ, ai đến cũng được, ai xin ngủ nhờ cũng không từ chối. Chùa lại vừa là trường bình dân giáo dục, bệnh xá, phòng chẩn bệnh phát thuốc, cô nhi viện… đâu phải là nơi lý tưởng để chứa chấp vũ khí. Điểm nực cười hơn nữa, ban đêm trong chùa lại gài sẵn lựu đạn: để bảo vệ cái gì và để hại ai đây ?!!!. Vả chăng, nếu chuẩn bị tích trữ vũ khí thì ít nhứt cũng đã có một số cán bộ cán bộ nồng cốt, vận động truyền, thành lập đội ngũ, chớ chứa vũ khí mà chỉ có hai ông thầy chùa thì làm sao khơi khơi ôm mấy quả lựu đạn tấn công đồn bót được ?   
Vụ bắt bớ, lập biên bản chỉ là cách chụp mũ hai người của chánh quyền Pháp đương thời, và nguyên nhân, như tác giả đặt giả thuyết và viết trong truyện ngắn, vì chúng lo ngại nhóm Tiến Hóa sẽ móc nối với Nhựt qua trung gian của ông cử Võ Ngọc Hoành, một nhà nho thuộc nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục, bị Pháp chỉ định cư trú tại Sa Đéc. Chính vì vậy mà chủ động vụ bắt bớ là mật thám Sa Đéc, mật thám Rạch Giá chỉ đóng vai hỗ trợ, và họ đã nhắm vào sư Trí Thiền và người đệ tử, chớ không cố ý bắt sư Thiện Chiếu, người thực sự có khuynh hướng thân cộng. (Sư Thiện Chiếu, sư Pháp Linh, thầy giáo Nguyễn Văn Quảng, Đông y sĩ Trần Xuân Vân, chủ nhiệm Tiến Hóa Đốc phủ Đỗ Kiến Triệu, đều được thoát nạn).   
6. Nguyên tác chữ Hán như sau:   
Tứ đại chi vô chủ  
Ngũ ấm vốn lai không !  
Tương đầu lâm bạch nhẫn   
Du tợ trảm xuân phong !  
Tương truyền khi thiền sư Tăng Triệu, bị đưa ra pháp trường xử tử tình, sư đã coi cái chết như không thực có, coi như đao phủ thủ chém gió xuân, chớ không dính líu gì với cái "không sanh không diệt" cả. Sư đã bình thản ngâm bài thơ trên.   
7. Có người hỏi tổ Triệu Châu:   
- Con chó có Phật tánh không ?   
- Không !   
Lại có người hỏi tổ:   
- Con chó có Phật tánh không ?   
- Có !

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: talata  
Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên  
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003